

Bản án số: 467/2024/DS-PT

Ngày: 23/5/2024

V/v “Tranh chấp về chuyển
nhượng quyền nhận tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Bà Doãn Thị Kim Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Mạnh Thị Tú Uyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 251/2024/TLPT-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp về chuyển nhượng quyền nhận tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm Số 102/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1738/2024/QĐPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5957/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm: 1957

Địa chỉ: Số F (108 cũ) Cư xá T, Phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng T; sinh năm: 1982 (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 02620 quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/4/2023 tại Văn phòng C); địa chỉ: Số E, khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt;

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh T1; sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Y Ki K; sinh năm: 1981 (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 02344 quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/3/2023 tại Văn phòng C); địa chỉ: Số C đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1946;

Địa chỉ: Số A, Đường T, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn T2; sinh năm: 1951 (Theo Giấy ủy quyền có số chứng thực 000375, Quyền số 01/2023 SCT/CK, tại Văn phòng C1 lập ngày 31/10/2023);

Địa chỉ: Số F (số C), Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt;

3. Ông Nguyễn T2; sinh năm: 1951;

Địa chỉ: Số F (số C), Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt;

4. Bà Nguyễn Thị D; sinh năm: 1954;

Địa chỉ: Số F (số C), Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin vắng mặt;

5. Ông Nguyễn Chí T3; sinh năm: 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Số B Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3: Ông Tô Quang H; sinh năm: 1991 (Giấy ủy quyền lập ngày 18/4/2024); địa chỉ: 2 đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T3: Ông Tô Việt Y, là luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; Có đơn xin vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1949

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N1; sinh năm: 1957;

Người giám hộ của bà N1: Bà Nguyễn Thị Đ (Theo Trích lục giám hộ số 01/TLGH ngày 15/10/2020 của U, Quận C); Có đơn xin vắng mặt;

Người giám sát giám hộ là bà Nguyễn Thị D (Theo Trích lục đăng ký giám sát giám hộ số 01/TLGSGH ngày 15/10/2020 của U, Quận C); Có đơn xin vắng mặt;

Bà N1, bà Đ, bà D cùng địa chỉ: Số F (số cũ 108), Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: bị đơn - ông Nguyễn Chí T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn N2, sinh năm: 1911, chết ngày: 28/01/2000 (Theo Giấy chứng tử số 07, quyền số 01/2000 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/2000) và bà Nguyễn Thị N3, sinh năm: 1914, chết ngày: 09/05/2009 (Theo Giấy chứng tử số 19, quyền số 01 do U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2009).

Ông Nguyễn N3 và bà Nguyễn Thị N3 chết có để lại di sản là nhà đất số A (Số mới 61) cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 797702712700246 do U1 cấp ngày 12/4/2007).

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Số 330/2019/QĐST-DS ngày 24/4/2019 (gọi tắt là Quyết định số 330) của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung:

“1. Nhà đất tọa lạc tại số A Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn N3 (chết năm 2000) và bà Nguyễn Thị N3 (chết năm 2009) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 797702712700246, hồ sơ gốc số 046/2007/GCN do Ủy ban nhân dân Quận U1 cấp ngày 12/4/2007.

2. Người thừa kế của ông Nguyễn N3 và bà Nguyễn Thị N3 gồm:

- Ông Nguyễn H1, sinh năm 1940;
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946;
- Ông Nguyễn T2, sinh năm 1951;
- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954;
- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957;

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1959 (bà Nguyễn Thị N1 bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 03/2015/QĐST-DS ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, có bà Nguyễn Thị Đ là người giám hộ và bà Nguyễn Thị D là người giám sát giám hộ).

3. Công sức quản lý di sản, chi phí xây dựng sửa chữa di sản của bà Nguyễn Thị D là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Trước khi chia di sản thừa

kế của ông Nguyễn N3 và bà Nguyễn Thị N3 thì phải thanh toán số tiền 500.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị D.

4. Nhà đất nêu trên được chia làm 6 phần, mỗi đồng thừa kế được hưởng 1/6 di sản, tương đương 2.901.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu*) đồng...”

Ngày 13/9/2019, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Thị L lập Văn bản thỏa thuận (Số công chứng 00028984, Quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh) nội dung ông H1 và bà L chuyển nhượng phần thừa kế của mình (Theo Quyết định số 330) cho bà Đ, tổng giá trị chuyển nhượng là 5.800.000.000 đồng (tương đương 2/6 di sản thừa kế). Trong đó ông H1 và bà L mỗi người được nhận số tiền chuyển nhượng là 2.900.000.000 đồng.

Ngày 31/3/2020, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn T2 lập Văn bản thỏa thuận (số công chứng 00008417, Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh) nội dung ông T2 chuyển nhượng phần thừa kế của mình (Theo Quyết định số 330) cho bà Đ, giá trị chuyển nhượng 1/6 di sản thừa kế là 3.600.000.000 đồng.

Ngày 31/3/2020, bà Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị D lập Văn bản thỏa thuận (số công chứng 00008416, Quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh), nội dung bà D chuyển nhượng phần thừa kế của mình (1/6 di sản thừa kế theo Quyết định số 330) cho bà Đ, giá trị chuyển nhượng là 4.600.000.000 đồng (trong đó bao gồm 500.000.000 đồng tiền công sức quản lý xây dựng và chi phí xây dựng sửa chữa di sản).

Riêng đối với phần thừa kế của bà Nguyễn Thị N1, do bà N1 là người mất năng lực hành vi dân sự (Theo Quyết định 03/2015/QĐST-VDS ngày 22/6/2015 của TAND Quận 3), bà Nguyễn Thị Đ là người giám hộ của bà Nguyễn Thị N1 (đăng ký giám hộ số 01/TLGH ngày 15/10/2020) nên bà Đ không lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng mà tạm thời quản lý phần di sản này dưới sự giám sát của bà Nguyễn Thị D (đăng ký giám sát giám hộ số 01/TLGSGH ngày 15/10/2020).

Năm 2019, ông Nguyễn Hữu c, không để lại di chúc.

** Tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Thanh T1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Y Ki K trình bày:*

Ông Nguyễn Thanh T1 là con của ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Thị N. Ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Thị N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1976, không đăng ký kết hôn.

Năm 2019, ông Nguyễn Hữu c không để lại di chúc, theo quy định pháp luật ông T1 và người đồng thừa kế của ông Nguyễn H1 là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Hữu . Ngoài ông T1, ông Nguyễn H1 còn có người con tên là Nguyễn Chí T3, sinh năm 1977. Ông Nguyễn Hữu k đăng ký

kết hôn với mẹ của ông Nguyễn Chí T3. Vì vậy, ông T1 và ông Nguyễn Chí T3 là đồng thừa kế di sản của ông Nguyễn H1 để lại, nên có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục thực hiện Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng.

Do đến thời điểm hiện tại bà Nguyễn Thị Đ chưa thanh toán cho ông Nguyễn H1 số tiền chuyển nhượng quyền nhận tài sản thừa kế là 2.900.000.000 đồng. Vì vậy, ông T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn H1 số tiền 2.900.000.000 đồng, trong đó phần ông Nguyễn Thanh T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ thanh toán số tiền 1.450.000.000 đồng theo Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng nhận quyền tài sản lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh, thanh toán đủ một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong Đơn phản tố đề ngày 17/4/2023, bị đơn- bà Nguyễn Thị Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng T trình bày:*

Sau khi ký kết các văn bản thỏa thuận, bà Đ đã thanh toán số tiền chuyển nhượng cho tất cả các anh chị em và có xác nhận bằng Giấy cam kết đã nhận đủ tiền của từng người. Trong đó, phần giá trị chuyển nhượng của ông Nguyễn H1 là 2.901.000.000 đồng do ông Nguyễn T2 (đại diện ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh, chứng nhận số 00028983 ngày 13/9/2019) nhận trực tiếp từ bà Đ, việc này cũng đã được ông T2 viết giấy cam kết ngày 12/11/2020 lập tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy đối với phần chuyển nhượng của ông Nguyễn H1, bà Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình. Bà Đ không còn nghĩa vụ gì đối với các đồng thừa kế của ông Nguyễn Hữu .

Bà Đ có đơn phản tố yêu cầu Tòa án:

- Công nhận bà Đ đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản (số công chứng 00028984, lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh), tổng số tiền là 2.901.000.000 đồng giao cho ông Nguyễn T2 theo nội dung Hợp đồng ủy quyền.

- Công nhận các Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản được ký kết giữa bà Đ với ông Nguyễn T2, ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L và bà là người được toàn quyền thừa hưởng đối với 5/6 di sản.

- Công nhận nhà, đất tại địa chỉ A (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà và bà Nguyễn Thị N1 (bà Nguyễn Thị N1 là đồng sở hữu theo tỷ lệ 1/6 nhà đất nêu trên).

** Bị đơn- bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Do bà Nguyễn Thị Đ (là em ruột bà và cũng là người đồng thừa kế di sản của cha mẹ bà) có ý muốn bà chuyển nhượng lại quyền nhận di sản thừa kế của bà cho bà Đ nên vào ngày 13/9/2019, tại Văn phòng Công chứng Đàm Sen -

Thành phố C2, bà và ông Nguyễn H1 (sinh năm 1940, CCCD số 049040000027) có ký kết Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản với bà Nguyễn Thị Đ (số công chứng: 00028984, quyển số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD). Theo đó, bà L và ông Nguyễn H1 đồng ý chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đ quyền được nhận số tiền thừa kế được nêu trong Quyết định số 330 với giá trị chuyển nhượng 5.800.000.000 đồng. Trong đó, bà và ông Nguyễn H1 mỗi người được nhận số tiền chuyển nhượng là 2.900.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm triệu*) đồng. Bà L đã nhận đầy đủ số tiền chuyển nhượng là 2.901.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu*) đồng từ bà Đ.

Riêng phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T1 về việc yêu cầu bà Đ thanh toán tiền, bà có ý kiến như sau:

Ngày 03/6/2017, các anh chị em của bà gồm có Nguyễn H1, Nguyễn T2, Nguyễn Thị Đ và bà đã cùng họp gia đình và thống nhất lập biên bản thỏa thuận với nội dung:

“Chia thừa kế căn nhà A Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thành 06 phần bằng nhau.... Và

“Riêng anh Nguyễn H1 đồng ý nhận một nửa phần của mình còn một nửa cho em mình là ông Nguyễn T2 để lo tu bổ nhà thờ cúng ông bà”.

Như vậy, ông Nguyễn H1 đã cho ông Nguyễn T2 một nửa phần được hưởng của mình. Ông Nguyễn T2 cũng đã nhận phần tiền này từ bà Đ. Vì vậy, ông Nguyễn T2 phải có trách nhiệm giao một nửa còn lại cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Hữu .

Phần 1/6 của bà được hưởng đã chuyển cho bà Nguyễn Thị Đ, bà đã nhận đủ tiền và bà Đ được toàn quyền sở hữu đối với phần của bà, được toàn quyền thực hiện các thủ tục liên quan để xác lập quyền sở hữu đối với phần bà đã chuyển nhượng. Bà cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện gì về việc chuyển nhượng này.

Đồng thời bằng văn bản này, vì lý do sức khỏe nên bà xin phép được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, các buổi làm việc, phiên xét xử liên quan đến tranh chấp trên. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn- ông Nguyễn T2 trình bày:*

Do bà Nguyễn Thị Đ (là em gái ruột của ông và cũng là người đồng thừa kế di sản của cha mẹ ông) có ý muốn ông chuyển nhượng lại quyền nhận di sản thừa kế của ông cho bà Đ nên vào ngày 31/3/2020, tại Văn phòng Công chứng Đàm Sen Thành phố C2, ông và bà Đ có ký kết Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản có số công chứng 0008417, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD). Theo đó, ông đã tiến hành chuyển nhượng cho bà Đ quyền được nhận số tiền thừa kế được nêu trong Quyết định số 330 với giá trị

chuyển nhượng 3.600.000.000 (*Ba tỷ, sáu trăm triệu*) đồng. Ngoài ông, các anh chị em khác của bà Đ là ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Thị L cũng đã ký kết Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản có số công chứng 00028984 ngày 13/9/2019).

Ngày 20/9/2019, ông đã thay mặt ông Nguyễn Hữu n đủ số tiền chuyển nhượng là 2.901.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu*) đồng từ bà Nguyễn Thị Đ, việc nhận thay được thực hiện theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 00028983 ngày 13/9/2019. Trước đó, ông H1 đồng ý tặng lại cho ông 50% số tiền chuyển nhượng quyền nhận di sản thừa kế trên, tương đương 1.450.000.000 đồng (việc tặng cho này được ghi nhận trong Biên bản họp gia đình ngày 03/6/2017) và ông cũng đã nhận số tiền này. Đối với 50% số tiền chuyển nhượng còn lại là 1.451.000.000 đồng, ông đồng ý giao lại cho các đồng thừa kế của ông H1.

Đối với giao dịch chuyển nhượng quyền nhận di sản thừa kế phần của ông với bà Đ, ông đã nhận đầy đủ số tiền chuyển nhượng là 3.600.000.000 (*Ba tỷ, sáu trăm triệu*) đồng từ bà Đ, bà Đ được toàn quyền đối với 1/6 phần được hưởng của ông đối với di sản, ông cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp gì về việc này.

Như vậy, bà Đ đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền đối với việc chuyển nhượng quyền nhận số tiền thừa kế cho ông và ông Nguyễn Hữu .

Do đó, ông đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Đ.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị D trình bày:

Do bà Nguyễn Thị Đ (là em ruột bà và cũng là người đồng thừa kế di sản của cha mẹ bà) có ý muốn bà chuyển nhượng lại quyền nhận di sản thừa kế của bà cho bà Đ nên vào ngày 31/3/2020, cả hai bà đến Văn phòng C2 lập Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản, có số công chứng 0008416, Quyết số 04 TP/CC-SCC/HĐGD, để chuyển nhượng cho bà Đ quyền nhận số tiền thừa kế được nêu trong Quyết định số 330 với giá chuyển nhượng là 4.600.000.000 (*Bốn tỷ, sáu trăm triệu*) đồng. Hiện tại, bà đã nhận đầy đủ số tiền chuyển nhượng trên. Do đó, bà Đ được toàn quyền đối với phần di sản 1/6 mà bà được hưởng. Bà cam kết đây là thỏa thuận tự nguyện và không khiếu nại, tranh chấp về việc này.

Bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đồng thời vì lý do sức khỏe bà xin phép được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, hòa giải, các buổi làm việc, phiên tòa xét xử vụ án nêu trên và chấp hành mọi phán quyết của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N1 có bà Nguyễn Thị Đ là người giám hộ và bà Nguyễn Thị D là người giám sát giám hộ cùng trình bày:

Ngày 24/4/2019, Tòa án nhân dân Quận 3 có ban hành Quyết định số 330/2019/QĐST-DS về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án “Tranh chấp chia thừa kế”. Theo nội dung Quyết định trên, bà Nguyễn Thị N1 được chia 1/6 di sản thừa kế là nhà, đất tại địa chỉ số A (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương số tiền 2.901.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu*) đồng.

Hiện nay, bà Đ là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như quản lý tài sản của bà N1, bao gồm quyền thừa kế đối với 1/6 di sản thừa kế nêu trên. Đồng thời, bà D, là người giám sát giám hộ theo Trích lục đăng ký giám sát giám hộ số 01/TLGSGH ngày 15/10/2020.

Với yêu cầu phản tố của Bị đơn, cả hai bà đều không có ý kiến, đề nghị Quý Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn- ông Nguyễn Chí T3 có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Quang H trình bày:

Ông Nguyễn Chí T3 là con của ông Nguyễn H1 (sinh năm 1940, chết ngày 15/11/2019) và bà Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1958). Ông H1 và bà L1 có đăng ký kết hôn, đến ngày 12/01/1983 ông H1 và bà L1 thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn H1 (sinh năm 1940) là con của ông Nguyễn N3 (sinh năm 1911, chết ngày 28/01/2000) và bà Nguyễn Thị N3 (sinh năm 1914, chết ngày 09/4/2009). Ông Nguyễn N3 và bà Nguyễn Thị N3 khi chết để lại di sản là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 108 (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; ông N3 và bà N3 chết đi không để lại di chúc.

Ngày 24/4/2019, Tòa án nhân dân Quận 3 ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 330/2019/QĐST-DS theo đó ông Nguyễn H1 được chia 1/6 di sản đối với di sản là nhà, quyền sử dụng đất địa chỉ 108 (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 15/11/2019, ông Nguyễn Hữu c không để lại di chúc.

Khi còn sống, ông Nguyễn H1 chỉ có 01 người con là ông Nguyễn Chí T3. Ngày 05/11/2019, ông Nguyễn Thanh T1 tự ý đi đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã N nhận ông Nguyễn H1 là cha trong khi không có tài liệu chứng minh quan hệ cha con là không đúng theo thủ tục pháp luật theo Luật Hộ tịch. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T1 về việc được chia ½ di sản mà ông Nguyễn H1 để lại. Đồng thời, ông cũng không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn H1 (sinh năm 1940, chết ngày 15/11/2019) có sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1976. Ông bà không đăng ký kết hôn và có một người con chung là ông Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 25/5/1977.

Bà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của con bà là Nguyễn Thanh T1 và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đồng thời bà cũng sẽ cho toàn bộ phần thừa kế của bà được hưởng (nếu có) từ di sản của ông Nguyễn H1 cho ông Nguyễn Thanh T1 thừa hưởng.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn, bà không có ý kiến, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì lý do sức khỏe, bà không thể tham gia vào quá trình giải quyết vụ án nên xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1/. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh, thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn H1 số tiền 2.900.000.000 đồng, trong đó phần ông Nguyễn Thanh T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ thanh toán số tiền 1.450.000.000 đồng và thanh toán đủ một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu:

- Công nhận bà đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản (có số công chứng 00028984, lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh), với tổng số tiền là 2.901.000.000 (Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu) đồng là phần của ông Nguyễn H1 đã giao cho ông Nguyễn T2 theo nội dung Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 00028983, Quyền số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2019 và Giấy cam kết có số chứng thực 00003189, Quyền số: 11 SCT/CK, ĐC ngày 12/11/2020 đều được lập tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công nhận các Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản được ký kết giữa bà với ông Nguyễn H1 - bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị D và bà là người được toàn quyền thừa hưởng đối với 5/6 di sản.

- Công nhận phần sở hữu đối với nhà, đất tại địa chỉ A (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà và bà Nguyễn Thị N1 (bà Nguyễn Thị N1 là đồng sở hữu theo tỷ lệ 1/6 nhà đất nêu trên).

Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị N1 (có bà Nguyễn Thị Đ là người giám hộ và bà Nguyễn Thị D là người giám sát giám hộ) được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với nhà đất tọa lạc tại số A (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (bà Nguyễn Thị Đ sở hữu theo tỷ lệ 5/6, bà Nguyễn Thị N1 là đồng sở hữu theo tỷ lệ 1/6).

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.750.000 (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008275 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho ông Nguyễn Thanh T1 số tiền 27.450.000 (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị D, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng; và các đồng thừa kế của ông Nguyễn H1 (bao gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thanh T1, ông Nguyễn Chí T3) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, bị đơn – ông Nguyễn Chí T3 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá thiếu khách quan, toàn diện các chứng cứ trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông Nguyễn Chí T3 không rút đơn kháng cáo. Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Đ không rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác so với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp tại Tòa cấp sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Chí T3 là ông Tô Quang H trình bày:

Ông T3 không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà Đ chưa giao số tiền 2.901.000.000 đồng cho ông T2. Nếu ông T2 đã nhận số tiền này thì phải báo cho ông H1 biết. Người thừa kế của ông H1 chỉ có một mình ông Nguyễn Chí T3. Ông Nguyễn Thanh T1 không phải con của ông H1 vì ông T1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Chí T3, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Đ là ông Phạm Hồng T4 trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông Nguyễn Chí T3. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Chí T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông Nguyễn Chí T3. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Chí T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:

- Về Đơn kháng cáo của bị đơn: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận.

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tòa sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cần sửa đổi với phần án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là buộc ông T1, ông T3, bà N mỗi người chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn-ông Nguyễn Chí T3, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh về án phí theo hướng nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Chí T3 trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về Tố tụng

[2.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Thanh T1 rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Bị đơn - bà Nguyễn Thị Đ không rút yêu cầu phản tố. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự, thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Chí T3, bà Nguyễn Thị N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1.

Tòa cấp sơ thẩm thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự như trên và căn cứ Khoản 3 Điều 26 ; khoản 3 Điều 39, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, thay đổi quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về chuyển nhượng quyền nhận tài sản” và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 là có căn cứ. Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[2.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Chí T3 - Luật sư Tô Việt Y đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt Luật sư Tô Việt Y – là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Chí T3 là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N1 (có bà Nguyễn Thị Đ là người giám hộ và bà Nguyễn Thị D là người giám sát giám hộ) và bà Nguyễn Thị N đều xin giải quyết vắng mặt. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà D, bà N1, bà N là đúng quy định pháp luật.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N1 (có bà Nguyễn Thị Đ là người giám hộ và bà Nguyễn Thị D là người giám sát giám hộ); bà Nguyễn Thị N, Ông Nguyễn Thanh T1; Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Y Ki K; Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T3: Ông Tô Việt Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà D, bà Đ, bà N, ông T1, ông Y Ki K, luật sư Tô Việt Y.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Chí T3

[3.1] *Về yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T5 về việc buộc bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh, thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn H1 số tiền 2.900.000.000 đồng, trong đó phần ông Nguyễn Thanh T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ thanh toán số tiền 1.450.000.000 đồng.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T1 rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên. Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T1 là có căn cứ. Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[3.2]. *Về yêu cầu công nhận bà Đ đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản có số công chứng 00028984, Quyền số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số tiền 2.901.000.000 (Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu) đồng giao cho ông Nguyễn T2 theo nội dung Hợp đồng ủy quyền:*

Căn cứ vào Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 330/2019/QĐST-DS ngày 24/4/2019 (gọi tắt là Quyết định số 330) của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào “Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản lập ngày 13/9/2019 giữa ông Nguyễn H1 – Nguyễn Thị L với bà Nguyễn Thị Đ”.

Căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 00028983, Quyền số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Nguyễn H1 và ông Nguyễn T2 lập ngày 13/9/2019; Giấy cam kết của ông Nguyễn T2 số chứng thực 00003189, Quyền số: 11 SCT/CK, ĐC ngày 12/11/2020 đều được lập tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Y Ki K – người đại diện theo ủy quyền của ông T1 và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn T2 xác nhận bà Đ đã giao đủ số tiền 2.901.000.000 (Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu) đồng cho ông Nguyễn Thanh .1

Căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T1 tại đơn khởi kiện, lời trình bày của ông Y Ki K - đại diện theo ủy quyền của ông T1 tại Tòa, lời trình bày tại các bản tự khai và tại Tòa của ông Tô Quang H - đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Chí T3 và lời xác nhận của ông Nguyễn T2 tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân Quận 3 thu thập được cho thấy: Ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Thị L1 chung sống như vợ chồng vào năm 1976 (không đăng ký kết hôn). Ông bà có một con chung tên là Nguyễn Chí T3 sinh ngày 14/4/1977. Đến ngày 12/01/1983, ông H1 và bà L1 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 05/CNTL của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Thanh T1 và bà Nguyễn Thị N trình bày cũng vào thời điểm năm 1976, ông Nguyễn H1 có sống chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị N (không đăng ký kết hôn). Ông H1 và bà N có một con chung tên là Nguyễn Thanh T1 sinh ngày 25/5/1977. Tuy nhiên, Ông Nguyễn Chí T3 không thừa nhận ông Nguyễn Thanh T1 là con của ông Nguyễn H1 vì ông T1 không có tài liệu chứng minh quan hệ cha con.

Ngày 15/11/2019, ông H1 chết (theo Trích lục khai tử số 220/TLKT-BS ngày 11/10/2020 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa cấp sơ thẩm. ông Nguyễn Chí T3 và bà Nguyễn Thị N đều không có đơn yêu cầu độc lập về việc giải quyết đối với số tiền 2.901.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Đ đã giao cho ông Nguyễn T2 nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét. Do đó, Tòa cấp phúc thẩm cũng xem xét giải quyết đối với số tiền 2.901.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Đ đã giao cho ông Nguyễn T2 và không giải quyết về việc xác định ai là người thừa kế của ông H1. Nếu sau này người thừa kế của ông Nguyễn H1 có tranh chấp về số tiền

2.901.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Đ đã giao cho ông Nguyễn T2 thì giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những nhận định nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ và công nhận bà Nguyễn Thị Đ đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản (có số công chứng 00028984, lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh), với tổng số tiền là 2.901.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu*) đồng là phần của ông Nguyễn H1 đã giao cho ông Nguyễn T2 theo nội dung Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 00028983, Quyền số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2019 và Giấy cam kết có số chứng thực 00003189, Quyền số: 11 SCT/CK, ĐC ngày 12/11/2020 đều được lập tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[3.3]. *Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án công nhận các Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Đ với ông Nguyễn H1 - bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Đ là người được toàn quyền thừa hưởng đối với 5/6 di sản là nhà đất 108 Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản có số công chứng 00028984, Quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn H1 - bà Nguyễn Thị L có nội dung ông H1, bà L chuyển nhượng phần 1/6 di sản thừa kế, tương đương 2.901.000.000 đồng của mỗi người được hưởng cho bà Đ (theo Quyết định số 330), với giá chuyển nhượng là 5.800.000.000 (*Năm tỷ, tám trăm triệu*) đồng.

Căn cứ Giấy cam kết số công chứng 00003190, Quyền số 11 SCT/CK, ĐC được lập tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2020 thể hiện: Giữa bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Đ có thực hiện việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản với số tiền thừa kế mà bà L được chia theo Quyết định số 330 với giá chuyển nhượng là 2.901.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu*) đồng và bà L đã nhận đủ tiền. Tại Bản tự khai ngày 12/4/2023 của bà Nguyễn Thị L và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn T2 (là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà L) cũng xác định bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng nêu trên. Bà Đ được toàn quyền sở hữu đối với phần của bà L, được toàn quyền thực hiện các thủ tục liên quan để xác lập quyền sở hữu đối với phần bà L đã chuyển nhượng.

Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản có số công chứng 00008417, Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày 31/3/2020 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn T2 có nội dung ông T2 có chuyển nhượng phần 1/6 di sản thừa

kế, tương đương 2.901.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu*) đồng của ông được hưởng cho bà Đ (theo Quyết định số 330), với giá chuyển nhượng là 3.600.000.000 (*Ba tỷ, sáu trăm triệu*) đồng.

Căn cứ vào Giấy cam kết số công chứng 00003072, Quyền số 10 SCT/CK, ĐC được lập tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/11/2020 và lời trình bày của ông T2 tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Ông T2 đã nhận đủ số tiền 3.600.000.000 (*Ba tỷ, sáu trăm triệu*) đồng là số tiền chuyển nhượng theo Văn bản thỏa thuận nêu trên. ông T2 đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền nhận tài sản giữa bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Đ, có số công chứng 00008416, Quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày 31/3/2020 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung bà D có chuyển nhượng phần 1/6 di sản thừa kế, tương đương 2.901.000.000 (*Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu*) đồng của bà được hưởng cho bà Đ (theo Quyết định số 330), với giá chuyển nhượng là 4.600.000.000 (*Bốn tỷ, sáu trăm triệu*) đồng.

Căn cứ Giấy cam kết số công chứng 00003188, Quyền số 11 SCT/CK, ĐC được lập tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2020 và Bản tự khai ngày 07/4/2023, ngày 30/9/2023 thể hiện: Bà D có chuyển nhượng quyền nhận số tiền thừa kế được nêu trong Quyết định số 330 cho bà Đ với giá chuyển nhượng là 4.600.000.000 (*Bốn tỷ, sáu trăm triệu*) đồng. Số tiền này đã bao gồm 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng tiền công sức quản lý, chi phí xây dựng, sửa chữa được nêu trong Quyết định số 330. Bà D xác nhận đã nhận đủ tiền. Bà Đ toàn quyền sở hữu đối với phần của bà D, bà D đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Đối với phần chuyển nhượng của ông H1 với bà Đ, như đã nhận định nêu tại mục [3.2], bà Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ giao tiền khi ông H1 chuyển nhượng lại phần 1/6 di sản mà ông H1 được hưởng.

Từ những nhận định nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án công nhận các Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Đ với ông Nguyễn H1 - bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị Đ là người được toàn quyền thừa hưởng đối với 5/6 di sản là nhà đất 108 Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[3.4]. Về yêu cầu công nhận phần sở hữu đối với nhà, đất tại số A (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị N1 (bà Nguyễn Thị N1 là đồng sở hữu theo tỷ lệ 1/6 nhà đất nêu trên:

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 330/2019/QĐST-DS ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và căn cứ các nhận định như đã phân tích tại các mục [3.2], [3.3], Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu công nhận phần sở hữu đối với nhà, đất tại số A (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị N1 (bà Nguyễn Thị N1 là đồng sở hữu theo tỷ lệ 1/6 nhà đất nêu trên là có căn cứ. Do đó, Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Bà L, ông T2, bà D, bà N đều là những người cao tuổi nhưng do họ không có đơn yêu cầu xét miễn giảm án phí mặc dù đã được Tòa án hướng dẫn trước đó trong quá trình giải quyết vụ án (tại Tòa ông T2 tham gia tố tụng với tư cách đại diện ủy quyền của bà L và với tư cách tố tụng của ông T2 cũng xác nhận không yêu cầu Tòa xét miễn giảm án phí) nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét miễn giảm án phí là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Chí T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Tòa cấp sơ thẩm buộc người thừa kế của ông Nguyễn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng là không chính xác. Tòa cấp phúc thẩm sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Chí T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng do sửa một phần bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn-ông Nguyễn Chí T3, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh về án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn-ông Nguyễn Chí T3, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 115, 116, 117, 118, 119; khoản 2 Điều 221, Điều 223 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Chí T3; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

1/. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng nhận quyền tài sản lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh, thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn H1 số tiền 2.900.000.000 đồng, trong đó phần ông Nguyễn Thanh T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ thanh toán số tiền 1.450.000.000 đồng và thanh toán đủ một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu:

- Công nhận bà đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản (có số công chứng 00028984, lập ngày 13/9/2019 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh), với tổng số tiền là 2.901.000.000 (Hai tỷ, chín trăm lẻ một triệu) đồng là phần của ông Nguyễn H1 đã giao cho ông Nguyễn T2 theo nội dung Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 00028983, Quyền số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2019 và Giấy cam kết có số chứng thực 00003189, Quyền số: 11 SCT/CK, ĐC ngày 12/11/2020 đều được lập tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nhận các Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền nhận tài sản được ký kết giữa bà với ông Nguyễn H1 - bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị D và bà là người được toàn quyền thừa hưởng đối với 5/6 di sản.

Công nhận phần sở hữu đối với nhà, đất tại địa chỉ A (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà và bà Nguyễn Thị N1 (bà Nguyễn Thị N1 là đồng sở hữu theo tỷ lệ 1/6 nhà đất nêu trên).

Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị N1 (có bà Nguyễn Thị Đ là người giám hộ và bà Nguyễn Thị D là người giám sát giám hộ) được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với nhà đất tọa lạc tại số A (số mới 61) Cư xá T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (bà Nguyễn Thị Đ sở hữu theo tỷ lệ 5/6, bà Nguyễn Thị N1 là đồng sở hữu theo tỷ lệ 1/6).

3/. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do bị đơn bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này và không xem xét đến nghĩa vụ phải chịu chi phí này theo quy định của pháp luật.

4/. Về án phí

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.750.000 (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008275 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho ông Nguyễn Thanh T1 số tiền 27.450.000 (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Chí T3, bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyễn Chí T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Trả lại cho ông T3 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0002374 ngày 21/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Q.3, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.3, TP.HCM;
- Cục Thi hành án TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang

Doãn Thị Kim Thúy

Nguyễn Thị T6